

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Phương Loan.

Bà Phạm Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Yến N, sinh năm: 2001. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Phạm Minh Q, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện D, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Yến N trình bày: Chị cùng chồng chị là anh Phạm Minh Q chung sống với nhau vào năm 2020, trước đó có tìm hiểu khoảng nửa năm, hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 07-11-2020. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng cho đến khi thân (từ tháng 01-2022 cho đến nay).

Ngày cưới gia đình chồng có cho chị nữ trang gồm 01 lắc đeo tay, 01 dây chuyền và 01 đôi bông, tổng cộng 7 chỉ vàng 24K, số nữ trang này hiện do mẹ chồng chị giữ (vì sau khi cưới do sợ mất nên chị gửi cho mẹ chồng giữ dùm).

Vợ chồng chung sống không có con chung.

Vợ chồng chung sống có tài sản chung là nữ trang ngày cưới như chị trình bày trên.

Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị không bắt gặp nhưng có thấy chồng chị nhắn tin tình cảm với người phụ nữ này, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chồng chị còn ăn chơi (cờ bạc và uống rượu) nên bị đổ nợ và phải đi trốn nợ. Chị có khuyên nhiều lần nhưng chồng chị không nghe. Từ đó, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp A, xã T sống từ tháng 01-2022 cho đến nay. Chồng chị không tìm gặp chị bàn chuyện đoàn tụ gia đình, vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau và không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với chồng chị.

Về con chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Minh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc nhưng anh Q vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Q đối với yêu cầu của chị N.

Qua là việc người làm chứng, bà Phan Kim C1 là mẹ anh Phạm Minh Q trình bày: Bà không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Q, bà có nghe anh Q nói là không đồng ý ly hôn. Vợ chồng anh Q chung sống không có con chung, không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Yến N với anh Phạm Minh Q. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh Q chung sống vào đầu năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 07-11-2020. Nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị N yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị qua lời trình bày của chị N thì thấy: Vợ chồng mâu thuẫn do chị N không tin tưởng anh Q về vấn đề tình cảm. Ngoài ra, chị N còn cho rằng anh Q ăn chơi cờ bạc dẫn đến đổ nợ, anh Q thường xuyên uống rượu nên vợ chồng

thường gây gổ, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 01-2022 cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Q là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Như vậy, toàn bộ đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại các khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Yến N đối với anh Phạm Minh Q. Chị N được ly hôn với anh Q.

2. Về con chung: Chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024296 ngày 16-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Hiệp Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh

